|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM  **ĐỀ THI THỬ**  *( Đề thi có 4 trang)* | **KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  **NĂM HỌC 2020 - 2021**  **Môn thi: Hóa học**  *Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề*  **Mã đề thi 001** |

Họ và tên thí sinh: .......................................................... Số báo danh:........................

1. Quá trình nào dưới đây **không** làm giảm oxi trong không khí?

**A.** Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt. **B.** Sự cháy của than, củi, bếp ga.

**C.** Sự quang hợp của cây xanh. **D.** Sự hô hấp của động vật.

1. Oxit là

**A.** hỗn hợp của nguyên tố oxi với một nguyên tố hoá học khác.

**B.** hợp chất của nguyên tố phi kim với một nguyên tố hoá học khác.

**C.** hợp chất của oxi với một nguyên tố hoá học khác.

**D.** hợp chất của nguyên tố kim loại với một nguyên tố hoá học khác.

1. Thành phần theo thể tích của không khí gồm

**A.** 21% khí nitơ; 78% khí oxi; 1% các khí khác (CO2, CO, khí hiếm…).

**B.** 21% các khí khác (CO2, CO, khí hiếm…); 78% khí nitơ; 1% khí oxi.

**C.** 21% khí oxi; 78% khí nitơ ; 1% các khí khác (CO2, CO, khí hiếm…).

**D.** 21% khí oxi; 78% các khí khác (CO2, CO, khí hiếm…); 1% khí nitơ.

1. Khí H2 dùng để nạp vào khí cầu vì

**A.** khí H2 là đơn chất. **B.** khí H2 là khí nhẹ nhất.

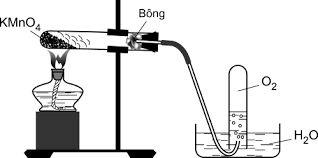
**C.** khí H2 khi cháy có tỏa nhiệt. **D.** khí H2 có tính khử.

1. Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là

**A.** CO2. **B.** Na2O. **C.** SO2. **D.** P2O5.

1. Nước tác dụng với chất nào sau đây **không** thu được bazơ?

**A.** Na2O. **B.** CaO. **C.** SO3. **D.** Na.

1. Một bạn học sinh điều chế và thu khí O2 bằng cách nhiệt phân hoàn toàn 3,16 gam KMnO4 theo sơ đồ hình vẽ sau;

Thể tích khí O2 thu được ở đktc là

**A.** 0,896 lít. **C.** 0,448 lít.

**B.** 0,672 lít. **D.** 0,224 lít.

1. Phản ứng nào sau đây thuộc loại phản ứng thế?

**A.** C + O2CO2. **B.** CaO + H2OCa(OH)2.

**C.** 4Al + 3O22Al2O3. **D.** Fe + 2HClFeCl2 +H2.

1. Để oxi hóa hoàn toàn một kim loại M hóa trị II thành oxit phải dùng một lượng oxi bằng 40% lượng kim loại đã dùng. Kim loại M là

**A.** Zn. **B.** Mg. **C.** Ca. **D.** Ba.

1. Oxit sắt từ có công thức phân tử là

**A.** Cu2O. **B.** CuO. **C.** Fe3O4. **D.** Fe2O3.

1. Oxit SO3 là oxit axit, có axit tương ứng là

**A.** H2SO4. **B.** H2SO3. **C.** HSO­4. **D.** HSO3.

1. Chất nào sau đây làm giấy quì tím hóa xanh?

**A.** Đường. **B.** Muối ăn.

**C.** Nước vôi trong. **D.** Giấm ăn.

1. Dùng quì tím để phân biệt được cặp chất nào sau đây?

**A.** Dung dịch HCl và dung dịch KOH. **B.** Dung dịch HCl và dung dịch H2SO4.

**C.** Dung dịch Na2SO4 và dung dịch NaCl. **D.** Dung dịch NaOH và dung dịch KOH.

1. Để loại bỏ khí CO2 có lẫn trong hỗn hợp (O2 , CO2), người ta cho hỗn hợp đi qua dung dịch chứa

**A.** HCl. **B.** Ca(OH)2.**C.** Na2SO4.**D.** NaCl.

1. Thuốc thử dùng để nhận biết dung dịch HCl và dung dịch H2SO4 là

**A.** K2SO4.**B.** Ba(OH)2.**C.** NaCl. **D.** NaNO3.

1. Công thức hoá học của oxit có thành phần % về khối lượng của S là 40% là công thức nào sau đây?

**A.** SO2. **B.** SO3. **C.** SO. **D.** S2O4.

1. Hòa tan 16 gam SO3 trong nước thu được 250 ml dung dịch axit. Nồng độ mol dung dịch axit thu được là

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

1. Cho 5,6 g sắt tác dụng với axit clohiđric dư, sau phản ứng thể tích khí H2 thu được (ở đktc) là

**A.** 1,12 lít. **B.** 2,24 lít. **C.** 11,2 lít. **D.** 22,4 lít.

1. Trong các kim loại sau đây, kim loại dẫn điện tốt nhất là

**A.** Nhôm (Al) **B.** Bạc(Ag) **C.** Đồng (Cu) **D.** Sắt (Fe)

1. Dãy kim loại nào sau đây được sắp xếp theo chiều hoạt động hóa học giảm dần?

**A.** Na , Mg , Zn. **B.** Al , Zn , Na. **C.** Mg , Al , Na. **D.** Pb , Al , Mg.

1. Khi dẫn khí clo vào nước xảy ra hiện tượng

**A.** vật lí. **B.** hoá học.

**C.** không xảy ra hiện tượng vật lí và hóa học. **D.** vật lí và hoá học.

1. Kim cương, than chì, cacbon vô định hình là các dạng thù hình của nguyên tố

**A.** photpho **B.** silic **C.** cacbon **D.** lưu huỳnh

1. Nguyên tử của nguyên tố X có 3 lớp electron, lớp electron ngoài cùng có 7 electron. Vị trí và tính chất cơ bản của nguyên tố X là

**A.** thuộc chu kỳ 3, nhóm VII là kim loại mạnh.

**B.** thuộc chu kỳ 7, nhóm III là kim loại yếu.

**C.** thuộc chu kỳ 3, nhóm VII là phi kim mạnh.

**D.** thuộc chu kỳ 3, nhóm VII là phi kim yếu.

1. Hoà tan hỗn hợp gồm Fe và Cu vào dung dịch HCl (vừa đủ). Các sản phẩm thu được sau phản ứng là

**A.** FeCl2 và khí H2. **B.** FeCl2, Cu và khí H2.

**C.** Cu và khí H2. **D.** FeCl2 và Cu.

1. Để làm sạch dung dịch ZnSO4 có lẫn CuSO4. ta dùngkim loại

**A.** Al. **B.** Cu. **C.** Fe. **D.** Zn.

1. Khối lượng dung dịch NaOH 10% cần để trung hoà 200 ml dung dịch HCl 1M là

**A.** 40g. **B.** 80g. **C.** 160g. **D.** 200g.

1. Dãy các chất nào sau đây đều là hiđrocacbon?

**A.** C2H6, C4H10, C2H4. **B.** CH4, C2H2, C3H7Cl.

**C.** C2H4, CH4, C2H5Cl. **D.** C2H6O, C3H8, C2H2.

1. Tính chất vật lí cơ bản của metan là

**A.** chất lỏng, không màu, tan nhiều trong nước.

**B.** chất khí, không màu, tan nhiều trong nước.

**C.** chất khí, không màu, không mùi, nặng hơn không khí, ít tan trong nước.

**D.** chất khí, không màu, không mùi, nhẹ hơn không khí, ít tan trong nước.

1. Số liên kết đơn và liên kết đôi trong phân tử khí etilen là

**A.** bốn liên kết đơn và hai liên kết đôi. **B.** ba liên kết đơn và hai liên kết đôi.

**C.** bốn liên kết đơn và một liên kết đôi. **D.** hai liên kết đơn và hai liên kết đôi.

1. Khí etilen cho phản ứng đặc trưng là

**A.** phản ứng cháy. **B.** phản ứng thế.

**C.** phản ứng cộng. **D.** phản ứng phân hủy.

1. Phương pháp nào sau đây nhằm thu được khí metan tinh khiết từ hỗn hợp khí metan và khí cacbonic?

**A.** Dẫn hỗn hợp qua dung dịch nước vôi trong dư.

**B.** Đốt cháy hỗn hợp rồi dẫn qua nước vôi trong.

**C.** Dẫn hỗn hợp qua bình đựng dung dịch H2SO4.

**D.** Dẫn hỗn hợp qua bình đựng nước brôm dư.

1. Thể tích không khí (biết ) cần dùng để đốt cháy hoàn toàn 1 lít khí etilen ở đktc là

**A.** 12 lít. **B.** 13 lít. **C.** 14 lít. **D.** 15 lít.

1. Biết rằng 0,1 lít khí etilen (đktc) làm mất màu tối đa 50 ml dung dịch brom. Nếu dùng 0,1 lít khí axetilen (đktc) thì có thể làm mất màu tối đa thể tích dung dịch brom trên là

**A.** 200 ml. **B.** 150 ml. **C.** 100 ml. **D.** 50 ml.

1. Đốt cháy hoàn toàn 5,6 lít khí C2H2 trong bình chứa khí oxi dư. Thể tích khí CO2 thu được (trong cùng điều kiện nhiệt độ và áp suất) là

**A.** 11,2 lít. **B.** 16,8 lít. **C.** 22,4 lít. **D.** 33,6 lít.

1. Nhiệt độ sôi của rượu etylic là

**A.** 78,30C. **B.** 87,30C. **C.** 73,80C. **D.** 83,70C.

1. Rượu etylic cháy trong không khí, hiện tượng quan sát được là

**A.** ngọn lửa màu đỏ, tỏa nhiều nhiệt. **B.** ngọn lửa màu vàng, tỏa nhiều nhiệt.

**C.** ngọn lửa màu xanh, tỏa nhiều nhiệt. **D.** ngọn lửa màu xanh, không tỏa nhiệt.

1. Axit axetic tác dụng với kẽm giải phóng khí

**A.** hiđro (H2). **B.** hiđro clorua ( HCl ).

**C.** hiđro sunfua (H2S). **D.** amoniac (NH3).

1. Dung dịch đường truyền vào tĩnh mạch cho bệnh nhân là loại đường nào?

**A.** Sacarozơ. **B.** Frutozơ. **C.** Glucozơ **D.** Mantozơ.

1. Muốn điều chế 100 ml rượu etylic 650 ta dùng

**A.** 100 ml nước hòa với có 65 ml rượu nguyên chất.

**B.** 100 ml rượu etylic nguyên chất có 65 ml nước.

**C.** 65 ml rượu etylic nguyên chất hòa với 35 ml nước.

**D.** 35 ml rượu nguyên chất với 65 ml nước.

1. Để phân biệt C6H6;  C2H5OH; CH3COOH ta dùng

**A.** Na kim loại. **B.** dung dịch NaOH.

**C.** H2O và quỳ tím. **D.** H2O và phenolphtalein.

**Cho biết Zn = 65, Mg = 12, Ca = 40, Na = 23, Fe = 56, Al = 27, Cr = 52, Au =197,**

**Ba = 137, K = 39, Br = 80, N = 14, P = 31, S = 32, C = 12, O = 16, H = 1, Cl = 35,5**

**----------------- Hết ----------------**